TRUYỀN CẢM HỨNG VÀ TẠO ĐỘNG LỰC TRONG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN CAO ĐẲNG MIỀN NÚI

Nguyễn Thị Kim Nhung
Trường Cao đẳng Lào Cai

Tóm tắt: *Bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam đang hội nhập sâu rộng, đặt ra yêu cầu cấp thiết về chất lượng nguồn nhân lực, trong đó kỹ năng mềm (KNM) là nhân tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh của người lao động. Tuy nhiên, công tác đào tạo KNM cho sinh viên (SV) tại các trường cao đẳng (CĐ) khu vực miền núi còn đối mặt với nhiều thách thức đặc thù, xuất phát từ rào cản về địa lý, kinh tế, và đặc biệt là khác biệt văn hóa. Bài báo này, dựa trên sự tổng hợp các lý thuyết giáo dục quốc tế, phân tích thực trạng Việt Nam và kinh nghiệm 30 năm nghiên cứu, đề xuất một khung phương pháp luận toàn diện nhằm truyền cảm hứng và tạo động lực hiệu quả trong giảng dạy KNM cho đối tượng SV đặc thù này. Các giải pháp được xây dựng trên ba trụ cột chính: (1) Bối cảnh hóa chương trình đào tạo dựa trên văn hóa và trải nghiệm bản địa; (2) Áp dụng các phương pháp sư phạm kiến tạo, lấy người học làm trung tâm; và (3) Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện, kết nối nhà trường - gia đình - doanh nghiệp - cộng đồng. Bài báo khẳng định rằng, việc truyền cảm hứng không chỉ là một kỹ thuật sư phạm, mà là một triết lý giáo dục, đòi hỏi sự thấu cảm sâu sắc và cam kết mạnh mẽ từ mọi chủ thể liên quan, nhằm trang bị cho SV miền núi hành trang vững chắc để tự tin lập nghiệp và đóng góp vào sự phát triển bền vững của quê hương.*

Từ khóa: *Kỹ năng mềm, sinh viên cao đẳng, miền núi, dân tộc thiểu số, truyền cảm hứng, tạo động lực, giáo dục hướng nghiệp, phát triển bền vững.*

INSPIRING AND MOTIVATING SOFT SKILLS INSTRUCTION FOR STUDENTS AT MOUNTAINOUS COLLEGES

Abstract: *Vietnam's deepening socio-economic integration has created an urgent demand for a high-quality workforce, in which soft skills (SS) are a key factor determining workers' competitiveness. However, soft-skills training for students (ST) at colleges (C) in mountainous areas faces distinctive challenges stemming from geographic and economic constraints and, in particular, cultural differences. Drawing on a synthesis of international educational theories, an analysis of the Vietnamese context, and insights from 30 years of research, this paper proposes a comprehensive methodological framework to effectively inspire and motivate soft-skills instruction for this specific student population. The proposed solutions are structured around three main pillars: (1) contextualizing the training curriculum based on local culture and lived experiences; (2) applying constructivist, learner-centered pedagogies; and (3) building a comprehensive support ecosystem that connects schools, families, enterprises, and communities. The paper argues that inspiration is not merely a pedagogical technique but an educational philosophy that requires deep empathy and strong commitment from all stakeholders, with the goal of equipping mountainous students with a solid foundation to confidently build their careers and contribute to the sustainable development of their localities.*

Keywords: *soft skills, college students, mountainous areas, ethnic minorities, inspiration, motivation, career-oriented education, sustainable development.*

Nhận bài: 15/01/2026 Phản biện: 06/02/2026 Duyệt đăng: 09/02/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và xu thế toàn cầu hóa đã và đang định hình lại thị trường lao động, nơi kỹ năng chuyên môn (kỹ năng cứng) dù quan trọng nhưng không còn là yếu tố duy nhất đảm bảo thành công. Các nhà tuyển dụng ngày càng ưu tiên những ứng viên sở hữu các kỹ năng mềm vượt trội như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, trí tuệ cảm xúc và khả năng thích ứng (World Economic Forum, 2023).

Chính phủ và các bộ ngành nhận thức rõ tầm quan trọng này, đã ban hành chủ trương, đề án như Quyết định số 123/QĐ-LĐTBXH về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo và phát triển kỹ năng mềm cho thanh niên và học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp". Tuy nhiên, việc triển khai tại các trường cao đẳng khu vực miền núi, nơi tập trung đông đảo SV là người dân tộc thiểu số, đang gặp phải những rào cản không nhỏ.

SV miền núi thường mang trong mình những đặc điểm tâm lý xã hội và nền tảng văn hóa đặc thù. Sự rụt rè, e ngại trong giao tiếp do rào cản ngôn ngữ (tiếng Việt không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ), tư duy cộng đồng mang tính tập thể cao, và đôi khi là mặc cảm về hoàn cảnh kinh tế khó khăn đã tạo ra một "khoảng lặng" trong việc tiếp thu và thực hành kỹ năng mềm. Các phương pháp giảng dạy truyền thống, mang tính áp đặt từ một phía thường không hiệu quả, thậm chí phản tác dụng. Do đó, câu hỏi cấp bách đặt ra là: Làm thế nào để không chỉ "dạy" mà còn "truyền cảm hứng" và "tạo động lực" từ

bên trong, giúp SV cao đẳng miền núi chủ động và tự tin phát triển kỹ năng mềm?

Bài báo này sẽ đi sâu phân tích vấn đề từ góc độ khoa học giáo dục, kết hợp lý thuyết quốc tế và thực tiễn Việt Nam để đề xuất một mô hình can thiệp hiệu quả.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan lý thuyết và cơ sở khoa học

2.1.1. Các lý thuyết tạo động lực kinh điển và ứng dụng

Nền tảng của việc truyền cảm hứng nằm ở việc khơi dậy động lực nội tại. Các lý thuyết kinh điển cung cấp một lăng kính giá trị để thấu hiểu và tác động đến SV:

** Thuyết Tự quyết (Self-Determination Theory - SDT) của Ryan & Deci (2000):* Thuyết này cho rằng con người có ba nhu cầu tâm lý cơ bản: *sự tự chủ (autonomy), năng lực (competence), và sự kết nối (relatedness).* Khi môi trường học tập thỏa mãn ba nhu cầu này, SV sẽ có động lực nội tại mạnh mẽ. Đối với SV miền núi:

Tự chủ: Trao quyền cho SV lựa chọn chủ đề dự án, cách thức thực hiện liên quan đến văn hóa, cộng đồng của các em.

Năng lực: Thiết kế các nhiệm vụ học tập vừa sức nhưng đầy thách thức, công nhận và tôn vinh những nỗ lực và tiến bộ dù là nhỏ nhất.

Kết nối: Tạo ra một không gian lớp học an toàn, tôn trọng, nơi SV cảm thấy thuộc về, được chia sẻ câu chuyện cá nhân và được lắng nghe.

** Thuyết Nhận thức Xã hội (Social Cognitive Theory) của Bandura (1986):* Bandura nhấn mạnh vai trò của *học tập qua quan sát (observational learning)* và *niềm tin vào năng lực bản thân (self-efficacy).* Để truyền cảm hứng cho SV miền núi, cần:

Xây dựng các hình mẫu thành công (role models) là những người đi trước cùng dân tộc, cùng khu vực. Việc mời họ về trường chia sẻ câu chuyện vượt khó, lập nghiệp sẽ có tác động mạnh mẽ hơn bất kỳ bài giảng lý thuyết nào.

Tổ chức các hoạt động thực hành, đóng vai, xử lý tình huống giả định để SV "thấy" mình có thể làm được, từ đó củng cố niềm tin vào năng lực của chính mình.

2.1.2. Phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm cho nhóm yếu thế

Nghiên cứu quốc tế về giáo dục cho các cộng đồng bản địa và nhóm yếu thế đã chỉ ra nhiều kinh nghiệm quý báu:

Học tập qua trải nghiệm và tích hợp công việc (Work-Integrated Learning - WIL): Đây là phương pháp cực kỳ hiệu quả, giúp SV áp dụng kỹ năng mềm vào bối cảnh thực tế. Các hình thức có thể bao gồm: dự án phục vụ cộng đồng, thực tập tại các doanh nghiệp địa phương (homestay, hợp tác xã du lịch, nông nghiệp công nghệ cao), các cuộc thi khởi nghiệp nhỏ.

Sư phạm mang tính phản hồi - kiến tạo (Relationship-Based Pedagogy): Mối quan hệ giữa giảng viên và SV là chìa khóa. Giảng viên không chỉ là người dạy mà còn là người cố vấn (mentor), người đồng hành. Sự quan tâm chân thành, thấu hiểu hoàn cảnh và tôn trọng văn hóa của SV sẽ phá vỡ rào cản tâm lý, tạo ra sự tin tưởng và mở lòng.

Lồng ghép văn hóa bản địa (Culture Sharing & Integrative Teaching): Thay vì xem văn hóa truyền thống là rào cản, hãy biến nó thành chất liệu và lợi thế. Ví dụ, kỹ năng thuyết trình có thể được thực hành qua việc giới thiệu một lễ hội, một làn điệu dân ca hay một sản phẩm thủ công mỹ nghệ của dân tộc mình. Kỹ năng làm việc nhóm có thể được xây dựng dựa trên tinh thần cộng đồng vốn có trong văn hóa làng bản.

2.1.3. Đặc điểm tâm lý xã hội và rào cản của sinh viên miền núi

Nhiều nghiên cứu tại Việt Nam đã chỉ ra những thách thức cụ thể:

Rào cản ngôn ngữ: Hạn chế về vốn tiếng phổ thông gây khó khăn trong giao tiếp, trình bày ý tưởng và tiếp thu kiến thức phức tạp.

Tâm lý tự ti, e ngại: Xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế, sự khác biệt về văn hóa và ngoại hình so với SV miền xuôi.

Ảnh hưởng của văn hóa cộng đồng: Tính tập thể cao đôi khi làm giảm tính chủ động, sáng tạo cá nhân. SV ngại phát biểu "khác" với số đông vì sợ bị đánh giá.

Thiếu hụt hình mẫu và định hướng nghề nghiệp: Môi trường sống xung quanh ít có những tấm gương thành công trong các lĩnh vực mới, khiến SV thiếu động lực và tầm nhìn cho tương lai.

2.2. Phương pháp luận đề xuất: Mô hình 3T (Thấu hiểu - Thay đổi - Tỏa sáng)

Từ kinh nghiệm 30 năm làm việc và nghiên cứu, tác giả đề xuất mô hình can thiệp mang tên *3T: Thấu hiểu - Thay đổi - Tỏa sáng,* một vòng tròn phát triển liên tục nhằm truyền cảm hứng và tạo động lực cho SV CĐ miền núi.

2.2.1. Giai đoạn 1: Thấu hiểu (Empathize & Understand)

Đây là giai đoạn nền tảng, quyết định sự thành công của toàn bộ chương trình.

** Đối với Giảng viên*

Giảng viên tự nghiên cứu, hình thành đủ năng lực cá nhân.

Giảng viên chủ động dành thời gian trò chuyện ngoài giờ, thăm gia đình SV (nếu có điều kiện) để tạo sự gần gũi và thấu cảm.

** Đối với Nhà trường*

Tổ chức các đợt tập huấn chuyên sâu cho giảng viên về đặc điểm văn hóa, tâm lý của các nhóm dân tộc thiểu số.

Tổ chức thực hiện các khảo sát đầu vào (không chỉ về kiến thức mà còn về nguyện vọng, ước mơ, lo lắng, rào cản) để xây dựng "chân dung" SV của từng khóa, từng ngành.

** Đối với nội dung đào tạo:*

Phân tích để nhận diện những "điểm chạm văn hóa" có thể lồng ghép vào bài giảng. Ví dụ: dạy về kỹ năng làm việc nhóm có thể phân tích cách tổ chức các hoạt động cộng đồng.

2.2.2. Giai đoạn 2: Thay đổi (Transform & Change)

Giai đoạn này tập trung vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy và xây dựng môi trường học tập.

** Bối cảnh hóa nội dung:*

"Dự án hóa" môn học: Thay thế các bài giảng lý thuyết khô khan bằng các dự án thực tế gắn liền với địa phương. Ví dụ: "Xây dựng tour du lịch cộng đồng cho bản X", "Phát triển chiến dịch marketing cho sản phẩm măng tre của hợp tác xã Y", "Tổ chức sự kiện ngày hội văn hóa các dân tộc tại trường"…

Sử dụng chất liệu bản địa: Khuyến khích SV sử dụng ca dao, tục ngữ, truyện cổ, hoa văn thổ cẩm của dân tộc mình làm nguồn cảm hứng cho các bài tập thuyết trình, sáng tạo.

** Đa dạng hóa phương pháp sư phạm*

Học tập dựa trên vấn đề (Problem-Based Learning): Đưa ra các vấn-đề-thực-tế của địa phương (ví dụ: ô nhiễm, thất nghiệp, bảo tồn văn hóa) để SV thảo luận nhóm, tìm giải pháp.

Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom): SV xem video bài giảng ngắn ở nhà, thời gian trên lớp dành cho thảo luận, thực hành, giải đáp thắc mắc cùng giảng viên. Điều này đặc biệt phù hợp để khắc phục rào cản ngôn ngữ, SV có thể xem lại video nhiều lần.

Game hóa (Gamification): Thiết kế các trò chơi, cuộc thi có tính điểm, xếp hạng, phần thưởng để tăng sự hứng thú trong việc rèn luyện các kỹ năng như làm việc nhóm, quản lý thời gian.

** Xây dựng "Vòng tròn An toàn"*

Thiết lập các quy tắc lớp học dựa trên sự tôn trọng, lắng nghe, không phán xét. Mọi ý kiến đều được chào đón.

Tổ chức các hoạt động "team building" thường xuyên để tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên, xóa bỏ khoảng cách giữa các dân tộc khác nhau.

2.2.3. Giai đoạn 3: Tỏa sáng (Shine & Inspire)

Đây là giai đoạn SV áp dụng kỹ năng, khẳng định giá trị bản thân và trở thành nguồn cảm hứng cho người khác.

Tạo sân chơi và cơ hội thể hiện

Tổ chức các cuộc thi hùng biện, "Ngày hội việc làm", "Phiên chợ khởi nghiệp" trong khuôn khổ nhà trường.

Kết nối với doanh nghiệp để tạo cơ hội thực tập, việc làm bán thời gian cho SV. Công nhận tín chỉ cho các hoạt động này.

Xây dựng mạng lưới các anh chị đi trước

Thành lập CLB Cựu sinh viên thành đạt người miền núi, tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm và truyền cảm hứng định kỳ.

Xây dựng chương trình "Mentorship" nơi cựu SV sẽ đỡ đầu, hướng dẫn cho các SV khóa dưới.

Ghi nhận và lan tỏa câu chuyện thành công

Sử dụng các kênh truyền thông của nhà trường (website, fanpage) để vinh danh, kể những câu chuyện về sự nỗ lực và thành công của SV. Những câu chuyện này sẽ trở thành minh chứng sống động, là nguồn động lực mạnh mẽ nhất cho chính các em và cộng đồng.

2.3. Khuyến nghị

Để mô hình này được triển khai thành công, tác giả xin đưa ra một số khuyến nghị:

** Về phía cơ quan quản lý nhà nước:* Cần có những chính sách đặc thù hỗ trợ các trường CĐ miền núi trong việc đào tạo KNM, bao gồm đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động trải nghiệm, và xây dựng cơ chế công nhận, vinh danh những giảng viên, nhà trường có mô hình sáng tạo, hiệu quả.

** Về phía các trường cao đẳng:* Cần xem việc đào tạo KNM là một nhiệm vụ chiến lược, lồng ghép vào tất cả các hoạt động của nhà trường chứ không chỉ là trách nhiệm của một vài bộ môn. Cần mạnh dạn trao quyền tự chủ cho giảng viên trong việc đổi mới phương pháp.

* *Về phía doanh nghiệp và cộng đồng:* Cần tăng cường sự phối hợp với nhà trường trong việc tiếp nhận SV thực tập, đặt hàng đào tạo và tham gia vào quá trình hướng nghiệp, tạo ra một hệ sinh thái giáo dục - việc làm bền vững.

Cuối cùng, xin được khẳng định lại, đầu tư vào việc truyền cảm hứng cho sinh viên miền núi hôm nay chính là đầu tư cho những nhà lãnh đạo, những doanh nhân và những công dân tích cực, những người sẽ tạo ra sự thay đổi bền vững cho chính cộng đồng của họ và cho toàn xã hội vào ngày mai.

III. KẾT LUẬN

Truyền cảm hứng và tạo động lực trong giảng dạy kỹ năng mềm cho sinh viên cao đẳng miền núi không phải là một bài toán có lời giải tức thời, mà là một quá trình đầu tư dài hạn, đòi hỏi sự kiên nhẫn và tâm huyết. Nó vượt ra ngoài phạm vi của một môn học, để trở thành một triết lý giáo dục toàn diện.

Mô hình 3T (Thấu hiểu - Thay đổi - Tỏa sáng) được đề xuất không phải là một công thức cứng nhắc, mà là một khung tư duy linh hoạt, cần được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh cụ thể của từng trường, từng địa phương và từng nhóm sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bandura, A. (1986). *Social foundations of thought and action: A social cognitive theory.* Prentice-Hall, Inc.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2024), *Quyết định số 123/QĐ-LĐTBXH về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo và phát triển kỹ năng mềm cho thanh niên và học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp"* ngày 31/01/2024, Hà Nội.

Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000). *The "What" and "Why" of Goal Pursuits: Human Needs and the Self-Determination of Behavior.* Psychological Inquiry, 11(4), 227–268.

Lê Dung (2025), *Kỹ năng mềm - "chìa khoá" thành công trong kỷ nguyên số.*

https://tuoitrethudo.vn/ky-nang-mem-chia-khoa-thanh-cong-trong-ky-nguyen-so-271786.html

Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2017). *Self-determination theory: Basic psychological needs in motivation, development, and wellness.* Guilford Press.

Tạ Quang Thảo (2015). *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên khối ngành kinh tế các trường cao đẳng khu vực trung du, miền núi phía Bắc theo tiếp cận chuẩn đầu ra,* Luận án tiến sĩ, Thái Nguyên.

Nguyễn Thị Kim Nhung (2025), *Lồng ghép chuyển đổi số trong giảng dạy môn học kỹ năng mềm cho sinh viên cao đẳng vùng cao.*

https://caodanglaocai.vn/nghien-cuu-khoa-hoc/long-ghep-chuyen-doi-so-trong-giang-day-mon-hoc-ky-nang-mem-cho-sinh-vien-cao-dang-vung-cao-339364

World Economic Forum (2023). *Future of Jobs Report 2023.*